

Số: 1010
ĐẾN Ngày: 25/5
Chuyển: UBND HUYỆN GÒ QUAO
Số và ký hiệu HS: VĂN PHÒNG HĐND-UBND

Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy
ban nhân dân
Huyện Gò Quao, Tỉnh Kiên Giang
25.05.2023 15:20:17 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 187 /TB-VP

Gò Quao, ngày 25 tháng 5 năm 2023

THÔNG BÁO

Ý kiến của Phó Chủ tịch UBND huyện Lê Kim Khoa

Về việc báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10-01-2018 của Ban Bí thư (khóa XII) về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới

Ủy ban nhân dân huyện có nhận được Công văn số 355/BDT-KHPTH&CSDT ngày 24/5/2023 của Ban Dân tộc tỉnh Kiên Giang về việc báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc giai đoạn 2021-2022 và 6 tháng đầu năm 2023, (có văn bản đính kèm).

Phó Chủ tịch UBND huyện Lê Kim Khoa có ý kiến chỉ đạo như sau:

Giao Văn phòng HĐND-UBND huyện, các phòng: Tài chính-Kế hoạch, Lao động-TB&XH, Văn hóa và Thông tin, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Công an huyện, Trung tâm Y tế tham mưu UBND huyện tổng hợp báo cáo theo lĩnh vực của từng ngành theo nội dung Công văn trên.

Đề nghị các ban, ngành đoàn thể: Ban Tổ chức Huyện ủy, Ủy ban MTTQVN huyện, Hội Nông dân, Hội Liên Hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Huyện đoàn phối hợp tổng hợp số liệu có liên quan (theo Phụ lục 5 đính kèm).

Thời gian hoàn thành **chậm nhất ngày 05/6/2023**, gửi văn bản về Văn phòng HĐND-UBND huyện (qua địa chỉ mail: ntnphuong.gq@kiengiang.gov.vn) để tổng hợp trình Thường trực UBND huyện ký và gửi Ban Dân tộc tỉnh theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Phó Chủ tịch UBND huyện Lê Kim Khoa, Văn phòng HĐND - UBND huyện thông báo đến quý cơ quan biết để thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT. UBND huyện,
- Các ngành như trên;
- LĐVP, CVNC,
- Lưu VT, ntnphuong

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Lý Minh Thắng

UBND TỈNH KIÊN GIANG
BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 335/BDT-KHTH&CSDT
V/v báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện
Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10-01-
2018 của Ban Bí thư (khóa XII) về
tăng cường công tác ở vùng đồng
bào dân tộc Khmer trong
tình hình mới

Kiên Giang, ngày 24 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Thực hiện Kế hoạch số 80-KH/BDVTW, ngày 19/4/2023 của Ban Dân vận Trung ương về việc báo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới.

Để kịp thời tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 10-01-2018 của Ban Bí thư (khóa XII), Ban Dân tộc tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo tình hình và kết quả 5 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW của Ban Bí thư (khóa XII) (theo Đề cương và Biểu mẫu đính kèm).

Báo cáo gửi về Ban Dân tộc tỉnh (qua phòng Kế hoạch, Tổng hợp và Chính sách Dân tộc) chậm nhất ngày **08/6/2023**, theo địa chỉ số 533 Nguyễn Trung Trực, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và qua địa chỉ mail dsiang.bdt@kiengiang.gov.vn.

Mọi thông tin chi tiết liên hệ đồng chí Danh Siêng, Phó Trưởng phòng Kế hoạch, Tổng hợp và Chính sách Dân tộc, sdt 0919.355.462.

Rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp thực hiện của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. *DSM*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Trưởng Ban và các PTB;
- VP, KHTH&CSDT, TTtra;
- Lưu: VT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN
BAN
DÂN TỘC
KIÊN GIANG
Danh Tha

ĐƠN KINH DOANH
Hàng hóa và dịch vụ
Số: 123456789
Hàng hóa và dịch vụ

ĐƠN KINH DOANH
Hàng hóa và dịch vụ
Số: 123456789
Hàng hóa và dịch vụ

ĐƠN KINH DOANH
Hàng hóa và dịch vụ
Số: 123456789
Hàng hóa và dịch vụ

ĐƠN KINH DOANH
Hàng hóa và dịch vụ
Số: 123456789
Hàng hóa và dịch vụ

ĐƠN KINH DOANH
Hàng hóa và dịch vụ
Số: 123456789
Hàng hóa và dịch vụ

ĐƠN KINH DOANH
Hàng hóa và dịch vụ
Số: 123456789
Hàng hóa và dịch vụ

ĐƠN KINH DOANH
Hàng hóa và dịch vụ
Số: 123456789
Hàng hóa và dịch vụ

ĐƠN KINH DOANH
Hàng hóa và dịch vụ
Số: 123456789
Hàng hóa và dịch vụ

ĐƠN KINH DOANH
Hàng hóa và dịch vụ
Số: 123456789
Hàng hóa và dịch vụ

ĐƠN KINH DOANH
Hàng hóa và dịch vụ
Số: 123456789
Hàng hóa và dịch vụ

ĐƠN KINH DOANH
Hàng hóa và dịch vụ
Số: 123456789
Hàng hóa và dịch vụ



ĐƠN KINH DOANH
Hàng hóa và dịch vụ
Số: 123456789
Hàng hóa và dịch vụ

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới
(Kèm theo Công văn số 335 /BDT-KHTH&CSDT, ngày 14 /5/2023 của Ban Dân tộc tỉnh Kiên Giang)

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ 05 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 19-CT/TW

I. Tình hình vùng đồng bào dân tộc Khmer

1. Đặc điểm, tình hình dân tộc Khmer.
2. Khái quát về thực trạng kinh tế, đời sống, văn hóa, xã hội, an ninh chính trị; tư tưởng đồng bào dân tộc Khmer sau 05 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW.
3. Những thuận lợi, khó khăn ở vùng đồng bào dân tộc Khmer hiện nay.

II. Kết quả 05 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW

1. Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW

1.1. Ưu điểm

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt và xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Chỉ thị của cấp ủy đảng.
- Việc thể chế hóa, cụ thể hóa Chỉ thị của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.
- Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Chỉ thị.
- Công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc tổ chức thực hiện Chỉ thị.
- Nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân về công tác đối với đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới.

1.2. Hạn chế

2. Đánh giá kết quả thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW

2.1. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc Khmer

- Kết quả: Huy động nguồn lực, ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng thiết yếu ở địa bàn có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống; giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; chuyển dịch cơ cấu kinh tế của đồng bào dân tộc Khmer.

- Những khó khăn, hạn chế.

2.2. Đánh giá việc thực hiện chủ trương, chính sách về giáo dục, đào tạo

- Kết quả: thực hiện chủ trương, chính sách xóa mù chữ; xây dựng chương trình, quy chế nội dung giảng dạy, tuyển sinh đối với trường bổ túc văn hóa Pali và chữ Khmer ở các cấp học và Học viện Phật giáo Nam tông Khmer.



- Những khó khăn, hạn chế.

2.3. Đánh giá việc thực hiện chủ trương, chính sách phát triển văn hóa

- Kết quả: đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa ở cơ sở; tăng thời lượng phát sóng bằng tiếng Khmer; công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Khmer, duy trì, phát triển các lễ hội văn hóa truyền thống.

- Những khó khăn, hạn chế.

2.4. Đánh giá việc thực hiện chủ trương, chính sách về y tế

- Kết quả: Đầu tư nâng cao chất lượng các cơ sở y tế, trạm y tế xã và đội ngũ bác sĩ, y sĩ, y tá người dân tộc Khmer; công tác phòng, chống dịch bệnh; thực hiện chính sách bảo hiểm y tế, các chương trình y tế quốc gia ở vùng đồng bào dân tộc Khmer.

- Những khó khăn, hạn chế.

2.5. Đánh giá công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc Khmer thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về tôn giáo

- Kết quả: Công tác bảo vệ di sản văn hóa chùa chiền, xây nhà văn hóa, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ sửa chữa, trùng tu chùa chiền; công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ chức sắc; kết quả phát huy vai trò của Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước, ban quản lý chùa và cốt cán, người có uy tín; công tác hỗ trợ xây dựng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer; xây nhà hành lễ và nhà hỏa táng hiện đại.

- Những khó khăn, hạn chế trong quá trình thực hiện.

2.6. Đánh giá công tác xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc Khmer

- Kết quả: xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc Khmer; bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ người dân tộc Khmer trong hệ thống chính trị từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh (trong đó có việc đảm bảo tỷ lệ cán bộ dân tộc Khmer theo Quyết định số 402/QĐ-TTg).

- Những khó khăn, hạn chế trong quá trình thực hiện

2.7. Kết quả đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc Khmer

- Kết quả: Tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện chủ trương, chính sách, tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; tập hợp, đoàn kết, phát triển đoàn viên, hội viên; nắm và phản ánh tình hình tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc Khmer.

- Những khó khăn, hạn chế trong quá trình thực hiện.

2.8. Kết quả đảm bảo an ninh chính trị, an ninh trật tự, giải quyết tranh chấp, khiếu kiện ở vùng đồng bào dân tộc Khmer

Những kết quả đạt được và khó khăn, hạn chế.

III. Đánh giá chung sau 05 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW

1. Những kết quả đạt được

2. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC Ở VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER TRONG NHỮNG NĂM TỚI

I. Dự báo tình hình

II. Nhiệm vụ, giải pháp công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong những năm tới

III. Kiến nghị, đề xuất



1. Những tài liệu, báo cáo và nghiên cứu

2. Báo cáo nghiên cứu

3. Tài liệu khác

4. Những tài liệu, báo cáo và nghiên cứu khác

5. Những tài liệu, báo cáo và nghiên cứu khác

6. Những tài liệu, báo cáo và nghiên cứu khác

7. Những tài liệu, báo cáo và nghiên cứu khác

8. Những tài liệu, báo cáo và nghiên cứu khác

9. Những tài liệu, báo cáo và nghiên cứu khác

PHỤ LỤC 1
CÁC VĂN BẢN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC Ở VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC KHMER SAU KHI CÓ CHỈ THỊ 19-CT/TW

TT	Huyện/thành phố	Tên loại văn bản					Ghi chú
		Nghị quyết	Chỉ thị	Kế hoạch	Quyết định	Văn bản khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Huyện/thành ủy						Ghi cụ thể văn bản gì khác
2	Hội đồng nhân dân huyện/thành phố						
3	Ủy ban nhân dân huyện/thành phố						
4	Mặt trận Tổ quốc huyện/thành phố						
5	Công đoàn huyện/thành phố						
6	Hội Nông dân huyện/thành phố						
7	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện/thành phố						
8	Hội Cựu Chiến binh huyện/thành phố						
9	Đoàn Thanh niên huyện/thành phố						

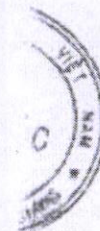


PHỤ LỤC 2
KINH TẾ, ĐỜI SỐNG

TT	Tiêu chí	Đơn vị	Toàn huyện		Người dân tộc Khmer		Tỷ lệ người dân tộc Khmer/toàn huyện (%)	
			2018	2023	2018	2023	2018	2023
1	2	3	4	5	6	7	8 (=6/4)	9 (=7/5)
1	Tổng dân số	Người						
2	Tổng số hộ	Hộ						
3	Thu nhập bình quân/người/năm	Đồng						
4	Số hộ nghèo	Hộ						
5	Số hộ cận nghèo	Hộ						
6	Số hộ thiếu đất ở	Hộ						
7	Số hộ thiếu đất sản xuất	Hộ						
8	Số hộ thiếu nước sinh hoạt	Hộ						
9	Số lao động chưa qua đào tạo nghề	Người						
10	Số lao động thiếu việc làm	Người						

PHỤ LỤC 3
VĂN HÓA, GIÁO DỤC, Y TẾ

TT	Tiêu chí	Đơn vị	2018	2023
1	2	3	4	5
1	Nhà văn hóa thôn, ấp	Nhà		
2	Nhà hòa táng	Nhà		
3	Người Khmer không biết chữ phổ thông	Người		
4	Người Khmer không biết chữ Khmer	Người		
5	Trường phổ thông dân tộc nội trú	Trường		
6	Số học sinh dân tộc Khmer tại trường phổ thông dân tộc nội trú	Người		
7	Trường dạy song ngữ Việt - Khmer	Trường		
8	Học viên sau đại học người dân tộc Khmer	Người		
9	Sinh viên cao đẳng, đại học người dân tộc Khmer	Người		
10	Học sinh THPT người dân tộc Khmer	Người		
11	Học sinh THCS người dân tộc Khmer	Người		
12	Học sinh tiểu học người dân tộc Khmer	Người		
13	Học sinh cử tuyển người Khmer	Người		
14	Học sinh cử tuyển người Khmer tốt nghiệp chưa được bố trí việc làm	Người		
15	Đội ngũ giáo viên người Khmer	Người		



TT	Tiêu chí	Đơn vị	2018	2023
1	2	3	4	5
16	Đội ngũ bác sĩ người Khmer	Người		
17	Nhân viên y tế người Khmer	Người		
18	Số người dân tộc Khmer có bảo hiểm y tế	Người		
19	Thời lượng phát thanh, truyền hình bằng tiếng Khmer	Giờ		



PHỤ LỤC 4
TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG

TT	Tiêu chí	Đơn vị	Tổng số toàn huyện		Người dân tộc Khmer		Tỷ lệ người dân tộc Khmer/toàn huyện (%)		Ghi chú
			2018	2023	2018	2023	2018	2023	
1	2	3	4	5	6	7	8 (=6/4)	9 (=7/5)	10
1	Tổng số tín đồ	Người							
2	Phật giáo Nam tông	Người							
3	Công giáo	Người							
4	Tin lành	Người							
5	Cao đài	Người							
6	Phật giáo Hòa Hảo	Người							
7	...	Người							Ghi rõ tôn giáo, tín ngưỡng nào

PHỤ LỤC 5
ĐẢNG, ĐOÀN THỂ

TT	Tiêu chí	2018			2023		
		Toàn huyện (người)	Người dân tộc Khmer	Tỷ lệ (%)	Toàn huyện (người)	Người dân tộc Khmer	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Đảng viên						
2	Cấp ủy các cấp						
3	Đại biểu Quốc hội						
4	Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp						
5	Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp						
6	Công đoàn viên						
7	Hội viên Hội Nông dân						
8	Hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ						
9	Hội viên Hội Cựu Chiến binh						
10	Đoàn viên Đoàn Thanh niên						
11	Người có uy tín						



PHỤ LỤC 6
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Cấp tỉnh						Cấp huyện						Cấp xã					
Cán bộ, công chức, viên chức (người)		Cán bộ, công chức, viên chức là người Khmer (người)		Tỷ lệ (%)		Cán bộ, công chức, viên chức (người)		Cán bộ, công chức, viên chức là người Khmer (người)		Tỷ lệ (%)		Cán bộ, công chức, viên chức (người)		Cán bộ, công chức, viên chức là người Khmer (người)		Tỷ lệ (%)	
2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023

1	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023
2																
3																
4																
5																
6																
7																
8																
9																
10																
11																
12																
13																
14																
15																
16																
17																
18																
19																
20																
21																
22																
23																
24																
25																
26																
27																
28																
29																
30																
31																
32																
33																
34																
35																
36																
37																
38																
39																
40																
41																
42																
43																
44																
45																
46																
47																
48																
49																
50																
51																
52																
53																
54																
55																
56																
57																
58																
59																
60																
61																
62																
63																
64																
65																
66																
67																
68																
69																
70																
71																
72																
73																
74																
75																
76																
77																
78																
79																
80																
81																
82																
83																
84																
85																
86																
87																
88																
89																
90																
91																
92																
93																
94																
95																
96																
97																
98																
99																
100																

VĂN MINH TRUYỀN THỐNG
KHÔNG GIAN

PHỤ LỤC 7
AN NINH TRẬT TỰ

TT	Tiêu chí	Đơn vị	Tổng số toàn huyện		Người dân tộc Khmer		Tỷ lệ (%)	
			2018	2023	2018	2023	2018	2023
1	2	3	4	5	6	7	8 (=6/4)	9 (=7/5)
1	Số người xuất cảnh trái phép	Người						
2	Kết hôn trái pháp luật với người nước ngoài	Người						
3	Số vụ khiếu nại, tố cáo	Vụ						
4	Số vụ khiếu nại, tố cáo đã giải quyết	Vụ						